

LIÊN ĐOÀN ĐIỀN KINH VIỆT NAM

KẾT QUẢ
VÔ ĐỊCH QUỐC GIA MARATHON VÀ CỰ LY DÀI
GIẢI BẢO TIỀN PHONG LẦN THỨ 65 – 2024



Tp Tuy Hòa- Phú Yên, ngày 31 tháng 03 năm 2024



Liên đoàn Điền kinh Việt Nam

KẾT QUẢ THI ĐẤU

GIẢI VÔ ĐỊCH QUỐC GIA MARATHON VÀ CỰ LY DÀI

"GIẢI BẢO TIỀN PHONG" LẦN THỨ 65 năm 2024

TP Tuy Hòa, Phú Yên, ngày 31/03/2024

VẬN ĐỘNG VIÊN NAM

TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp
HỆ NAM TUYỂN - 10km						
1	E6028	Đỗ Quốc Luật	12/02/1993	Quân Đội	31:11.0	KT
2	E6031	Đào Minh Thiện	20/07/2003	Quân Đội	31:44.0	KT
3	E6012	Lương Đức Phước	28/05/2002	Đồng Nai	32:05.0	KT
4	E6030	Trịnh Quốc Lượng	15/09/1996	Quân Đội	32:09.0	C1
5	E6004	Trương Trí Tâm	19/08/1997	Bình Dương	32:09.0	C1
6	E6001	Hoàng Viết Vỹ Ly	30/08/2004	Bắc Giang	32:14.0	C1
7	E6040	Lê Văn Thao	10/03/1995	Thanh Hóa	32:25.0	C1
8	E6011	Lê Hữu Lộc	05/01/1995	Đồng Nai	32:27.0	C1
9	E6029	Đào Minh Chí	20/07/2003	Quân Đội	32:33.0	
10	E6005	Lý Nhân Tín	28/03/1993	Bình Dương	32:38.0	
11	E6008	Đỗ Duy Thắng	01/01/2005	Bình Thuận	32:41.0	
12	E6006	Hứa Thuận Long	16/07/1990	Bình Dương	32:42.0	
13	E6007	Nguyễn Đăng Khoa	25/05/1988	Bình Dương	33:07.0	
14	E6013	Nguyễn Hoàng Thịnh	27/06/2007	Đồng Nai	33:25.0	
15	E6014	Sầm Văn Đồi	14/07/1999	Đồng Nai	33:35.0	
16	E6010	Nguyễn Văn Chính	01/03/2003	Bình Thuận	34:10.0	
17	E6039	Bùi Văn Dũng	26/11/2004	Thanh Hóa	34:19.0	
18	E6042	Nguyễn Anh Việt	19/01/2003	Phú Yên	34:35.0	
19	E6018	Trần Văn Đăng	05/02/2000	Hà Nội	35:00.0	
20	E6020	Bùi Minh Trung	13/08/2004	Hải Dương	35:12.0	
21	E6035	Trương Thanh Bình	16/02/1993	TP Hồ Chí Minh	35:17.0	
22	E6027	Bùi Nguyễn Nhất Phi	24/02/2003	Quảng Ngãi	35:19.0	
23	E6009	Bùi Minh Tường	28/03/2006	Bình Thuận	35:20.0	
24	E6002	Son Tiến Phát	01/02/2005	Bắc Giang	35:20.0	
25	E6037	Trương Quang Linh	05/02/2002	Thái Nguyên	35:25.0	
26	E6024	Huỳnh Tấn Tiến	01/01/2000	Quảng Ngãi	35:43.0	
27	E6015	Trương Nhật Linh	20/11/2000	Đồng Nai	35:52.0	

28	E6038	Hà Văn Nhật	25/11/1999	Thanh Hóa	36:05.0	
29	E6026	Tổng Nguyễn Gia Hưng	10/01/2004	Quảng Ngãi	36:07.0	
30	E6003	Nguyễn Văn Bảo	16/02/2007	Bắc Giang	36:07.0	
31	E6016	Giang Văn Dũng	03/01/2001	Hà Nội	36:11.0	
32	E6025	Huỳnh Duy Thúc	09/01/2002	Quảng Ngãi	36:21.0	
33	E6036	Lê Hoài Phương	13/01/1996	TP Hồ Chí Minh	36:23.0	
34	E6034	Hoàng Đức Huy	16/02/2005	TP Hồ Chí Minh	37:40.0	
35	E6021	Bùi Đăng Thắng	02/02/2004	Hải Dương	38:23.0	
36	E6017	Vũ Hoàng	08/11/1998	Hà Nội	38:29.0	
37	E6043	Nguyễn Đình Văn	18/11/2005	Phú Yên	38:53.0	
38	E6032	Lê Thanh Hùng	10/09/1991	TP Hồ Chí Minh	39:29.0	
39	E6033	Nguyễn Hoàng Minh	29/06/2002	TP Hồ Chí Minh	39:40.0	
40	E6022	Nguyễn Đức Thịnh	30/01/2006	Hải Dương	39:57.0	
41	E6045	Phạm Ngọc Đức	02/04/1989	Phú Yên	45:05.0	
42	E6044	Trần Quang Hiên	17/09/2004	Phú Yên	45:07.0	
43	E6041	Đỗ Bá Trung	18/07/1993	Thanh Hóa	1:13:52	
44	E6023	Nguyễn Kim Bảo Ngọc	28/05/2003	Nam Định	1:50:20	

HỆ NAM TRẺ- 10km

TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp
1	Y6548	Tòng Văn Hoàn	28/03/2005	Lai Châu	31:43.0	KT
2	Y6568	Bá Văn Hân	25/08/2005	Quân Đội	31:45.0	KT
3	Y6567	Dương Minh Hùng	01/01/2007	Quân Đội	32:16.0	KT
4	Y6565	Nguyễn Viết Ái	15/06/2007	Quân Đội	32:17.0	C1
5	Y6523	Nguyễn Thành Đạt	15/01/2005	Gia Lai	32:20.0	C1
6	Y6506	Lê Hoàng Tân	11/10/2006	Bình Định	32:50.0	C1
7	Y6505	Lê Đình Tường	11/06/2005	Bình Định	33:13.0	C1
8	Y6524	Hà Quang Thắng	24/05/2005	Gia Lai	33:21.0	C1
9	Y6555	Lương Xuân Sơn	17/04/2007	Phú Thọ	33:26.0	
10	Y6508	Đoàn Bùi Thanh Trường	27/03/2007	Bình Định	33:56.0	
11	Y6509	Cù Vạn Phúc	02/03/2007	Bình Định	34:15.0	
12	Y6562	Đinh Quốc Vĩnh	18/03/2005	Quảng Ngãi	34:16.0	
13	Y6525	Nguyễn Thành Công	25/09/2006	Gia Lai	34:16.0	
14	Y6528	Lại Duy Mạnh	09/06/2009	Hà Nam	34:32.0	
15	Y6530	Nguyễn Thành Đạt	24/03/2005	Hà Nội	34:33.0	
16	Y6531	Nguyễn Mạnh Duy	15/06/2005	Hà Nội	34:49.0	

17	Y6566	Giáp Huy Hoàng	23/01/2008	Quân Đội	34:50.0	
18	Y6546	Bùi Tuấn Tú	07/01/2009	Lai Châu	34:51.0	
19	Y6513	Dương Trung Thuận	27/08/2005	Đắk Lắk	34:56.0	
20	Y6515	Hoàng Minh Phương	28/04/2008	Đắk Lắk	35:00.0	
21	Y6558	Nguyễn Minh Trí	19/04/2005	Quảng Ninh	35:00.0	
22	Y6517	Phan Văn Bảo	15/01/2007	Đắk Lắk	35:23.0	
23	Y6534	Trần Đình Hào	18/05/2005	Hà Tĩnh	35:27.0	
24	Y6560	Bùi Đức Hưng	05/08/2008	Quảng Ninh	35:28.0	
25	Y6557	Trần Bá Cường	10/02/2008	Quảng Bình	35:30.0	
26	Y6503	Giáp Minh Hiếu	19/07/2009	Bắc Giang	35:44.0	
27	Y6545	Hoàng Văn Nam	16/02/2009	Lai Châu	35:53.0	
28	Y6526	Trần Minh Tú	11/09/2009	Gia Lai	35:56.0	
29	Y6514	Lý Văn Thu	20/05/2006	Đắk Lắk	36:08.0	
30	Y6532	Dương Trung Hiếu	05/01/2005	Hà Nội	36:21.0	
31	Y6559	Trần Thế Kiên	02/03/2005	Quảng Ninh	36:22.0	
32	Y6541	Nguyễn Tấn Phát	10/06/2007	Khánh Hòa	36:23.0	
33	Y6538	Nguyễn Minh Tuấn	15/04/2009	Hải Dương	36:29.0	
34	Y6564	Bùi Văn Đông	18/02/2006	Quảng Ngãi	36:33.0	
35	Y6563	Đinh Quang Vĩnh	04/02/2009	Quảng Ngãi	36:35.0	
36	Y6507	Bùi Văn Thảo	29/03/2006	Bình Định	36:43.0	
37	Y6539	Nguyễn Đình Hiếu	10/01/2006	Khánh Hòa	36:51.0	
38	Y6527	Nguyễn Văn Viết Hùng	30/04/2010	Gia Lai	36:58.0	
39	Y6516	Vương Đức Huy	04/01/2006	Đắk Lắk	37:21.0	
40	Y6535	Nguyễn Mậu Tài	26/03/2008	Hà Tĩnh	37:30.0	
41	Y6512	Thái Bá Thanh Hoàng	11/03/2007	Đà Nẵng	37:30.0	
42	Y6537	Phạm Việt Quang	28/04/2009	Hà Tĩnh	37:31.0	
43	Y6533	Khuất Văn Hiếu	05/02/2007	Hà Nội	37:37.0	
44	Y6504	Trần Minh Thanh	16/08/2009	Bắc Giang	37:47.0	
45	Y6536	Dương Đăng Duy	21/04/2008	Hà Tĩnh	37:55.0	
46	Y6502	Vũ Minh Thắng	17/02/2008	Bắc Giang	38:04.0	
47	Y6572	Đoàn Như Đức	15/02/2006	Thanh Hóa	38:31.0	
48	Y6544	Lò Văn Phan	04/02/2006	Lai Châu	38:36.0	
49	Y6561	Lê Tôn Hậu	27/03/2006	Quảng Ngãi	38:50.0	
50	Y6556	Hà Thanh Phong	03/03/2010	Phú Thọ	39:38.0	
51	Y6569	Sầm Minh Huân	10/11/2008	Thái Nguyên	39:38.0	

52	Y6511	Lê Quang Thịnh	11/07/2009	Cần Thơ	40:18.0	
53	Y6501	Nguyễn Đức Lâm	14/03/2006	Bắc Giang	41:13.0	
54	Y6540	Nguyễn Minh Quân	06/10/2006	Khánh Hòa	41:14.0	
55	Y6552	Hoàng Trọng Nghĩa	04/02/2008	Ninh Bình	42:05.0	
56	Y6554	Nguyễn Minh Đức	19/01/2007	Ninh Bình	42:27.0	
57	Y6570	Phạm Ngọc Hoàng	09/01/2008	Thái Nguyên	42:29.0	
58	Y6553	Trịnh Văn Tú	10/11/2008	Ninh Bình	42:37.0	
59	Y6542	Trương Công Đức Hợp	04/04/2007	Khánh Hòa	42:54.0	
60	Y6573	La Văn Danh	26/05/2006	Phú Yên	44:59.0	
61	Y6574	Huỳnh Kim Hẹn	19/12/2009	Phú Yên	46:07.0	
62	Y6576	Trần Ngọc Tuyển	08/05/2006	Phú Yên	48:03.0	
63	Y6575	Đỗ Hoàng Anh Tuấn	07/04/2005	Phú Yên	48:08.0	
64	Y6510	Nguyễn Đồng Thiên Phúc	20/01/2008	Cần Thơ	51:37.0	
65	Y6549	Hoàng Đức Trọng	18/02/2010	Lạng Sơn	56:38.0	
66	Y6571	Lục Thanh Duy	13/01/2009	Thái Nguyên	3:02:13.0	
	Y6547	Lò Văn Việt	01/02/2009	Lai Châu	DNF	
	Y6529	Vũ Mạnh Hùng	16/04/2009	Hà Nam	DNS	
	Y6518	Phạm Quốc Khánh	04/06/2009	Đồng Nai	DNS	
	Y6519	Phan Tuấn Trường	06/08/2008	Đồng Nai	DNS	
	Y6520	Nguyễn Hữu Tình	08/02/2008	Đồng Nai	DNS	
	Y6521	Nguyễn Xuân Toàn	12/06/2010	Đồng Nai	DNS	
	Y6522	Nguyễn Hà Minh Duy	20/06/2010	Đồng Nai	DNS	
	Y6543	Lê Thành Khả	15/08/2009	Khánh Hòa	DNS	
	Y6550	Hoàng Anh Hoàng	29/03/2010	Lạng Sơn	DNS	
	Y6551	Nguyễn Huy Nam	26/10/2008	Ninh Bình	DNS	

BÁN MARATHON NAM

TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp
1	E8012	Nguyễn Trung Cường	27/05/2000	Hà Tĩnh	1:08:13	KT
2	E8019	Nguyễn Quốc Anh	20/02/2001	Quân Đội	1:10:31	KT
3	E8003	Triệu Tiến Luyện	24/10/2002	Bình Thuận	1:11:02	KT
4	E8014	Nguyễn Lê Hoàng Vũ	17/10/2006	Khánh Hòa	1:13:39	KT
5	E8013	Nguyễn Anh Trí	14/02/1993	Hậu Giang	1:14:32	C1
6	E8011	Trịnh Minh Tâm	28/08/2003	Gia Lai	1:16:23	C1
7	E8005	Lê Văn Thành	15/10/2001	Đắk Lắk	1:17:43	C1
8	E8022	Trần Lê Hoàng	18/10/2004	Thái Nguyên	1:18:47	C1

9	E8004	Nguyễn Trung Hiếu	09/09/2008	Cần Thơ	1:22:33	C1
10	E8007	Đỗ Hữu Đức	21/04/2005	Đắk Lắk	1:22:52	C1
11	E8015	Vòng Vành Long	01/07/2003	Lâm Đồng	1:23:53	
12	E8006	Lý Văn Thiều	08/05/2004	Đắk Lắk	1:25:54	
13	E8020	Bàn Minh Hải	11/11/2006	Quân Đội	1:26:46	
14	E8010	Nguyễn Anh Tú	03/04/2003	Đồng Nai	1:27:51	
15	E8008	Nguyễn Ngọc Quý	12/07/1983	Đồng Nai	1:27:56	
16	E8018	Huỳnh Minh Tuấn	03/07/2004	Quảng Ngãi	1:28:36	
17	E8002	Nguyễn Nhâm Duy Côi	16/06/1998	Bình Phước	1:33:38	
18	E8021	Mùi Văn Khải	19/05/2006	Thái Nguyên	1:40:17	
	E8016	Lò Quý Đôn	20/06/2007	Lai Châu	DNF	
	E8001	Lê Kim Dục	25/07/2007	Bình Phước	DNS	
	E8009	Lý Toàn Phát Dĩ	11/02/2003	Đồng Nai	DNS	
	E8017	Nguyễn Anh Việt	19/01/2003	Phú Yên	DNS	

MARATHON NAM

TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp
1	E9003	Hoàng Nguyên Thanh	17/06/1995	Bình Phước	2:26:05	KT
2	E9009	Nguyễn Văn Lai	10/06/1986	Quân Đội	2:27:10	KT
3	E9004	Phạm Ngọc Phan	12/12/1995	Bình Thuận	2:28:08	KT
4	E9002	Lê Văn Tuấn	26/10/1984	Bình Dương	2:34:03	KT
5	E9001	Phạm Tiến Sản	21/10/1991	Bắc Giang	2:34:57	KT
6	E9008	Mai Quý Phong	18/01/2003	Quảng Bình	2:38:58	C1
7	E9005	Trương Hữu Tài	12/07/2006	Cần Thơ	2:58:19	C1
8	E9010	Đỗ Đức Thân	16/04/2004	Tây Ninh	3:01:54	C1
9	E9011	Trần Đình Khang	09/09/2006	Tây Ninh	3:20:38	C1
10	E9013	Nguyễn Thành Sang	13/08/2006	Tây Ninh	3:32:12	C1
11	E9012	Trần Văn Thương	07/03/2005	Tây Ninh	3:53:23	C1
12	E9006	Mai Nguyễn Hoài Bảo	23/06/2004	Gia Lai	3:55:06	C1
	E9007	Nguyễn Đình Văn	18/11/2005	Phú Yên	DNS	



KẾT QUẢ THI ĐẤU

GIẢI VÔ ĐỊCH QUỐC GIA MARATHON VÀ CỰ LY DÀI

"GIẢI BẢO TIỀN PHONG" LẦN THỨ 65 năm 2024

TP Tuy Hòa, Phú Yên, ngày 31/03/2024

VẬN ĐỘNG VIÊN NỮ

TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp
HỆ NỮ TUYỂN - 5km						
1	E5001	Nguyễn Thị Oanh	15/08/1995	Bắc Giang	16:44.0	KT
2	E5023	Bùi Thị Thu Hà	23/10/2003	Thanh Hóa	17:14.0	KT
3	E5011	Bùi Thị Ngân	24/02/2001	Nam Định	17:23.0	KT
4	E5017	Nguyễn Thu Quyên	22/07/2003	Thái Bình	17:32.0	C1
5	E5006	Nguyễn Khánh Ly	14/08/2003	Đà Nẵng	17:33.0	C1
6	E5018	Ngô Thị Khánh Ny	18/10/2001	Thái Bình	18:02.0	C1
7	E5019	Lưu Thị Thu	03/09/2002	Thái Bình	18:24.0	C1
8	E5012	Nguyễn Thị Thu Hà	05/05/2002	Nam Định	18:31.0	C1
9	E5007	Khuất Phương Anh	11/12/1997	Hà Nội	18:35.0	
10	E5021	Lê Thị Lan	16/05/1999	Thanh Hóa	19:18.0	
11	E5022	Lê Thị Bích	10/07/2004	Thanh Hóa	19:20.0	
12	E5005	Nguyễn Thị Kim Luyến	28/12/2000	Bình Định	19:26.0	
13	E5013	Vũ Thị Trà My	01/08/2007	Nam Định	19:40.0	
14	E5014	Lưu Thị Thanh Tình	14/08/2005	Quân Đội	20:04.0	
15	E5008	Phạm Thị Thu Trang	07/03/1998	Hà Nội	20:14.0	
16	E5010	Chu Thị Hương Giang	11/02/2007	Hà Nội	20:16.0	
17	E5015	Lưu Thị Thanh Tâm	14/08/2005	Quân Đội	20:17.0	
18	E5016	Vàng Như Quỳnh	27/01/2006	Quân Đội	20:21.0	
19	E5002	Nguyễn Thị Thành	08/01/2003	Bắc Giang	20:47.0	
20	E5003	Lê Thùy Linh	24/10/2007	Bắc Giang	20:53.0	
21	E5024	Nguyễn Thị Linh Ly	05/04/2008	Phú Yên	24:51.0	
22	E5027	Nguyễn Thị Thanh Hằng	05/4/1998	Phú Yên	26:00.0	
23	E5025	Trần Thị Ngọc Hoài	05/06/2000	Phú Yên	26:07.0	
24	E5026	Lê Thị Phương Châm	05/04/2000	Phú Yên	27:37.0	
28	E5004	Dương Thị Uyên	22/08/1987	Bắc Giang	DNF	
28	E5009	Nguyễn Thị Kim Thanh	31/03/2006	Hà Nội	DNF	
28	E5020	Lương Thị Hồng	31/01/2004	Thái Bình	DNF	

HỆ NỮ TRẺ - 5km						
TH	Số đo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp
1	Y5522	Hoàng Thị Ngọc Anh	15/09/2006	Hải Dương	17:38.0	KT
2	Y5543	Nguyễn Thị Ninh	03/01/2005	Quân Đội	17:42.0	KT
3	Y5519	Lê Thị Lam	16/08/2005	Hà Tĩnh	18:00.0	KT
4	Y5550	Nguyễn Thị Diễm	20/03/2007	Thái Bình	18:14.0	C1
5	Y5517	Nguyễn Khánh Linh	10/07/2006	Hà Nam	18:25.0	C1
6	Y5511	Triệu Thị Bình	22/03/2008	Cao Bằng	18:33.0	C1
7	Y5542	Hán Thị Bích Thư	11/06/2006	Quân Đội	18:36.0	C1
8	Y5532	Lương Thị Khan	06/01/2008	Lạng Sơn	19:03.0	C1
9	Y5510	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	25/07/2007	Bình Thuận	19:11.0	
10	Y5520	Lê Thị Thanh Nga	20/02/2005	Hà Tĩnh	19:27.0	
11	Y5538	Lê Thị Yến Như	07/08/2006	Khánh Hòa	19:28.0	
12	Y5512	Lý Mùi Sâu	21/11/2008	Cao Bằng	19:35.0	
13	Y5507	Nguyễn Hồng Thắm	20/01/2009	Bình Định	19:47.0	
14	Y5541	Trần Hồng Thúy	08/12/2008	Quân Đội	19:47.0	
15	Y5526	Trần Thị Thảo	01/01/2006	Khánh Hòa	19:51.0	
16	Y5504	Võ Thị Phương	14/01/2005	Bình Định	19:52.0	
17	Y5530	Thàm Ngọc Nhi	17/01/2009	Lai Châu	19:55.0	
18	Y5528	Lê Bảo Ngọc	16/08/2010	Khánh Hòa	20:01.0	
19	Y5521	Phạm Thị Thu Hiền	26/01/2009	Hà Tĩnh	20:11.0	
20	Y5539	Nguyễn Ngọc Hải Anh	02/11/2009	Quảng Ninh	20:13.0	
21	Y5525	Đinh Thị Thu Hương	09/03/2007	Hải Phòng	20:18.0	
22	Y5529	Hoàng Khánh Ly	07/03/2011	Khánh Hòa	20:22.0	
23	Y5551	Nguyễn Thị Kim Thu	05/03/2006	Thái Bình	20:22.0	
24	Y5506	Đặng Thị Kiều Mãng	16/03/2008	Bình Định	20:28.0	
25	Y5524	Lê Thị Huyền Trang	08/03/2009	Hải Dương	20:47.0	
26	Y5553	Trần Thị Thư	10/10/2008	Thái Bình	20:48.0	
27	Y5508	Phan Thị Bích Như	25/03/2009	Bình Định	20:50.0	
28	Y5554	Trịnh Yến Linh	14/07/2006	Thanh Hóa	20:52.0	
29	Y5513	Phùng Mùi Nhảy	07/02/2009	Cao Bằng	20:55.0	
30	Y5523	Phạm Thị Hải Yến	14/04/2008	Hải Dương	20:57.0	
31	Y5514	Đặng Thị Thiên	12/01/2010	Cao Bằng	21:04.0	

32	Y5545	Quảng Diệp Hoài	26/04/2009	Sơn La	21:23.0	
33	Y5544	Đèo Thị My	20/04/2009	Sơn La	21:25.0	
34	Y5549	Nguyễn Thị Mỹ	19/09/2009	Thái Bình	21:40.0	
35	Y5509	Nguyễn Thị Thanh Hà	17/08/2008	Bình Phước	21:57.0	
36	Y5547	Hoàng Thị Châm	08/09/2008	Sơn La	22:46.0	
37	Y5546	Lường Anh Thư	04/07/2010	Sơn La	23:08.0	
38	Y5518	Đỗ Thị Hải Yến	01/02/2010	Hà Nam	23:17.0	
39	Y5502	Nguyễn Hải Yến	01/10/2009	Bắc Giang	23:40.0	
40	Y5540	Đỗ Thị Thùy Dung	18/03/2011	Quảng Ninh	24:15.0	
41	Y5537	Phạm Ngọc Bảo Nhi	12/01/2010	Phú Yên	25:26.0	
42	Y5501	Mạc Thị Thu Trang	01/06/2007	Bắc Giang	25:37.0	
43	Y5548	Lường Thị Phương Vinh	21/04/2011	Sơn La	25:37.0	
44	Y5533	Dương Thị Thanh	16/01/2010	Lạng Sơn	25:46.0	
45	Y5557	Đoàn Huỳnh Nhật Trúc	25/04/2009	Phú Yên	28:41.0	
46	Y5556	Trần Thị Bích Thương	23/03/2011	Phú Yên	28:41.0	
47	Y5555	Lê Thị Huyền Trân	31/01/2011	Phú Yên	28:42.0	
48	Y5503	Ngọc Thị Thu Hoài	09/11/2009	Bắc Giang	29:31.0	
	Y5505	Trần Thị Thanh Nhi	01/01/2006	Bình Định	DNS	
	Y5515	Phạm Đỗ Bích Trân	18/08/2008	Đồng Nai	DNS	
	Y5516	Rơ Châm Ngạn	15/03/2010	Gia Lai	DNS	
	Y5527	Phạm Đồng Thanh Hà	06/03/2008	Khánh Hòa	DNS	
	Y5531	Lò Thị Tươi	26/01/2009	Lai Châu	DNS	
	Y5534	Bùi Minh Chiến	24/07/2007	Ninh Bình	DNS	
	Y5535	Ngô Thị Lan Anh	28/02/2009	Ninh Bình	DNS	
	Y5536	Tạ Thị Huyền Trang	24/06/2010	Ninh Bình	DNS	
	Y5552	Phạm Thị Trà	16/09/2007	Thái Bình	DNS	

BÁN MARATHON NỮ

TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp
1	E8501	Phạm Thị Hồng Lệ	01/02/1998	Bình Định	1:19:24	KT
2	E8515	Đoàn Thu Hằng	27/10/2001	Quảng Ninh	1:20:46	KT
3	E8502	Nông Thị Chang	22/01/2002	Bình Phước	1:26:14	KT
4	E8507	Cao Thị Thanh Thúy	31/10/2006	Đồng Nai	1:27:53	KT

5	E8512	Nguyễn Thị Phương Trinh	04/10/1997	Hậu Giang	1:28:05	C1
6	E8516	Huỳnh Thị Diễm	31/01/2004	Quảng Ngãi	1:28:36	C1
7	E8509	Nguyễn Thùy Dung	14/06/2005	Gia Lai	1:30:46	C1
8	E8508	Trương Hồng Uyên	08/01/2007	Đồng Nai	1:31:19	C1
9	E8511	Nguyễn Thị Thùy Dương	29/11/2000	Hậu Giang	1:36:33	C1
10	E8505	Nông Thị Quỳnh Như	05/02/2006	Đắk Lắk	1:36:46	C1
11	E8510	R-Noa	08/12/2008	Gia Lai	1:40:48	
12	E8517	Đinh Thị Mỹ Hoài	28/01/2006	Quảng Ngãi	1:42:43	
13	E8506	Ngô Thị Minh Thảo	28/01/2006	Đắk Lắk	1:54:03	
14	E8504	Hoàng Ngọc Linh	09/06/2008	Cao Bằng	2:14:01	
	E8513	Lê Thị Kim Phượng	21/01/2003	Khánh Hòa	1:25:19	TĐ kiểm tra
	E8503	Nguyễn Thị Thu Hà	22/11/1990	Bình Phước	DNS	
	E8514	Lê Thị Yến Như	07/08/2006	Khánh Hòa	DNS	
MARATHON NỮ						
TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp
1	E9501	Hoàng Thị Ngọc Hoa	19/05/2000	Bình Phước	2:51:35	KT
2	E9508	Lê Thị Tuyết	26/03/2004	Phú Yên	2:51:53	KT
3	E9506	Nguyễn Thị Thúy Vân	08/01/2002	Khánh Hòa	2:56:04	KT
4	E9509	Phạm Huỳnh Yến Thư	01/01/2005	Phú Yên	2:59:17	KT
5	E9504	Phạm Thị Thùy Hương	03/07/2008	Gia Lai	3:29:18	KT
6	E9507	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	17/07/2003	Khánh Hòa	3:34:38	C1
7	E9503	Lê Thị Yến Khoa	19/06/2006	Cần Thơ	3:36:30	C1
8	E9511	Đoàn Thị Trúc Dy	17/02/2004	Tây Ninh	3:50:42	C1
9	E9505	Hoàng Thị Hồng Ngọc	13/02/2006	Hà Nam	3:53:59	C1
10	E9502	Võ Thị Cẩm Giang	06/03/2006	Cần Thơ	4:57:49	C1
	E9510	Lèo Thị Tình	30/10/1996	Sơn La	DNF	

GIẢI VÔ ĐỊCH QUỐC GIA MARATHON VÀ CỰ LY DÀI
"GIẢI BÁO TIỀN PHONG" LẦN THỨ 65 - 2024
TP Tuy Hòa - Phú Yên, ngày 31/03/2024

Điểm đồng đội - Nam Tuyển 10km

TH	Số đeo	ĐƠN VỊ	Năm sinh	Đơn vị	ĐIỂM
1	E6028	Đỗ Quốc Luật	12/02/1993	Quân Đội	7
	E6031	Đào Minh Thiện	20/07/2003	Quân Đội	
	E6030	Trịnh Quốc Lượng	15/09/1996	Quân Đội	
2	E6012	Lương Đức Phước	28/05/2002	Đồng Nai	25
	E6011	Lê Hữu Lộc	05/01/1995	Đồng Nai	
	E6013	Nguyễn Hoàng Thịnh	27/06/2007	Đồng Nai	
3	E6004	Trương Trí Tâm	19/08/1997	Bình Dương	27
	E6005	Lý Nhân Tín	28/03/1993	Bình Dương	
	E6006	Hứa Thuận Long	16/07/1990	Bình Dương	
4	E6008	Đỗ Duy Thắng	01/01/2005	Bình Thuận	50
	E6010	Nguyễn Văn Chính	01/03/2003	Bình Thuận	
	E6009	Bùi Minh Tường	28/03/2006	Bình Thuận	
5	E6040	Lê Văn Thao	10/03/1995	Thanh Hóa	52
	E6039	Bùi Văn Dũng	26/11/2004	Thanh Hóa	
	E6038	Hà Văn Nhật	25/11/1999	Thanh Hóa	
6	E6001	Hoàng Viêt Vỹ Ly	30/08/2004	Bắc Giang	60
	E6002	Sơn Tiến Phát	01/02/2005	Bắc Giang	
	E6003	Nguyễn Văn Bảo	16/02/2007	Bắc Giang	
7	E6027	Bùi Nguyễn Nhất Phi	24/02/2003	Quảng Ngãi	77
	E6024	Huỳnh Tấn Tiến	01/01/2000	Quảng Ngãi	
	E6026	Tổng Nguyễn Gia Hưng	10/01/2004	Quảng Ngãi	
8	E6018	Trần Văn Đăng	05/02/2000	Hà Nội	86
	E6016	Giang Văn Dũng	03/01/2001	Hà Nội	
	E6017	Vũ Hoàng	08/11/1998	Hà Nội	
9	E6035	Trương Thanh Bình	16/02/1993	TP Hồ Chí Minh	88
	E6036	Lê Hoài Phương	13/01/1996	TP Hồ Chí Minh	
	E6034	Hoàng Đức Huy	16/02/2005	TP Hồ Chí Minh	
10	E6020	Bùi Minh Trung	13/08/2004	Hải Dương	95
	E6021	Bùi Đăng Thắng	02/02/2004	Hải Dương	
	E6022	Nguyễn Đức Thịnh	30/01/2006	Hải Dương	
11	E6042	Nguyễn Anh Việt	19/01/2003	Phú Yên	96
	E6043	Nguyễn Đình Văn	18/11/2005	Phú Yên	
	E6045	Phạm Ngọc Đức	02/04/1989	Phú Yên	

Điểm đồng đội - Nam Trẻ 10km

TH	Số đeo	ĐƠN VỊ	Năm sinh	Đơn vị	ĐIỂM
1	Y6568	Bá Văn Hân	25/08/2005	Quân Đội	9
	Y6567	Dương Minh Hùng	01/01/2007	Quân Đội	
	Y6565	Nguyễn Viết Ái	15/06/2007	Quân Đội	
2	Y6506	Lê Hoàng Tân	11/10/2006	Bình Định	23
	Y6505	Lê Đình Tường	11/06/2005	Bình Định	
	Y6508	Đoàn Bùi Thanh Trường	27/03/2007	Bình Định	
3	Y6523	Nguyễn Thành Đạt	15/01/2005	Gia Lai	26
	Y6524	Hà Quang Thắng	24/05/2005	Gia Lai	
	Y6525	Nguyễn Thành Công	25/09/2006	Gia Lai	
4	Y6548	Tòng Văn Hoàn	28/03/2005	Lai Châu	46
	Y6546	Bùi Tuấn Tú	07/01/2009	Lai Châu	
	Y6545	Hoàng Văn Nam	16/02/2009	Lai Châu	
5	Y6513	Dương Trung Thuận	27/08/2005	Đắk Lắk	61
	Y6515	Hoàng Minh Phương	28/04/2008	Đắk Lắk	
	Y6517	Phan Văn Bảo	15/01/2007	Đắk Lắk	
6	Y6530	Nguyễn Thành Đạt	24/03/2005	Hà Nội	61
	Y6531	Nguyễn Mạnh Duy	15/06/2005	Hà Nội	
	Y6532	Dương Trung Hiếu	05/01/2005	Hà Nội	
7	Y6558	Nguyễn Minh Trí	19/04/2005	Quảng Ninh	76
	Y6560	Bùi Đức Hưng	05/08/2008	Quảng Ninh	
	Y6559	Trần Thế Kiên	02/03/2005	Quảng Ninh	
8	Y6562	Đinh Quốc Vĩnh	18/03/2005	Quảng Ngãi	81
	Y6564	Bùi Văn Đông	18/02/2006	Quảng Ngãi	
	Y6563	Đinh Quang Vĩnh	04/02/2009	Quảng Ngãi	
9	Y6534	Trần Đình Hào	18/05/2005	Hà Tĩnh	105
	Y6535	Nguyễn Mậu Tài	26/03/2008	Hà Tĩnh	
	Y6537	Phạm Việt Quang	28/04/2009	Hà Tĩnh	
10	Y6503	Giáp Minh Hiếu	19/07/2009	Bắc Giang	116
	Y6504	Trần Minh Thanh	16/08/2009	Bắc Giang	
	Y6502	Vũ Minh Thắng	17/02/2008	Bắc Giang	
11	Y6541	Nguyễn Tấn Phát	10/06/2007	Khánh Hòa	123
	Y6539	Nguyễn Đình Hiếu	10/01/2006	Khánh Hòa	
	Y6540	Nguyễn Minh Quân	06/10/2006	Khánh Hòa	
12	Y6552	Hoàng Trọng Nghĩa	04/02/2008	Ninh Bình	169
	Y6554	Nguyễn Minh Đức	19/01/2007	Ninh Bình	
	Y6553	Trịnh Văn Tú	10/11/2008	Ninh Bình	
13	Y6573	La Văn Danh	26/05/2006	Phú Yên	183
	Y6574	Huỳnh Kim Hẹn	19/12/2009	Phú Yên	
	Y6576	Trần Ngọc Tuyền	08/05/2006	Phú Yên	

Điểm đồng đội -Nữ Tuyển 5km

TH	Số đeo	ĐƠN VỊ	Năm sinh	Đơn vị	ĐIỂM
1	E5017	Nguyễn Thu Quyên	22/07/2003	Thái Bình	17
	E5018	Ngô Thị Khánh Ny	18/10/2001	Thái Bình	
	E5019	Lưu Thị Thu	03/09/2002	Thái Bình	
2	E5023	Bùi Thị Thu Hà	23/10/2003	Thanh Hóa	23
	E5021	Lê Thị Lan	16/05/1999	Thanh Hóa	
	E5022	Lê Thị Bích	10/07/2004	Thanh Hóa	
3	E5011	Bùi Thị Ngân	24/02/2001	Nam Định	24
	E5012	Nguyễn Thị Thu Hà	05/05/2002	Nam Định	
	E5013	Vũ Thị Trà My	01/08/2007	Nam Định	
4	E5007	Khuất Phương Anh	11/12/1997	Hà Nội	40
	E5008	Phạm Thị Thu Trang	07/03/1998	Hà Nội	
	E5010	Chu Thị Hương Giang	11/02/2007	Hà Nội	
5	E5001	Nguyễn Thị Oanh	15/08/1995	Bắc Giang	40
	E5002	Nguyễn Thị Thành	08/01/2003	Bắc Giang	
	E5003	Lê Thùy Linh	24/10/2007	Bắc Giang	
6	E5014	Lưu Thị Thanh Tình	14/08/2005	Quân Đội	49
	E5015	Lưu Thị Thanh Tâm	14/08/2005	Quân Đội	
	E5016	Vàng Như Quỳnh	27/01/2006	Quân Đội	
7	E5024	Nguyễn Thị Linh Ly	05/04/2008	Phú Yên	66
	E5027	Nguyễn Thị Thanh Hằng	05/4/1998	Phú Yên	
	E5025	Trần Thị Ngọc Hoài	05/06/2000	Phú Yên	

Điểm đồng đội -Nữ Tuyển 5km

TH	Số đeo	ĐƠN VỊ	Năm sinh	Đơn vị	ĐIỂM
1	Y5543	Nguyễn Thị Ninh	03/01/2005	Quân Đội	23
	Y5542	Hán Thị Bích Thư	11/06/2006	Quân Đội	
	Y5541	Trần Hồng Thúy	08/12/2008	Quân Đội	
2	Y5519	Lê Thị Lam	16/08/2005	Hà Tĩnh	32
	Y5520	Lê Thị Thanh Nga	20/02/2005	Hà Tĩnh	
	Y5521	Phạm Thị Thu Hiền	26/01/2009	Hà Tĩnh	
3	Y5538	Lê Thị Yến Như	07/08/2006	Khánh Hòa	44
	Y5526	Trần Thị Thảo	01/01/2006	Khánh Hòa	
	Y5528	Lê Bảo Ngọc	16/08/2010	Khánh Hòa	
4	Y5511	Triệu Thị Bình	22/03/2008	Cao Bằng	47
	Y5512	Lý Mùi Sâu	21/11/2008	Cao Bằng	
	Y5513	Phùng Mùi Nhậ	07/02/2009	Cao Bằng	

5	Y5507	Nguyễn Hồng Thắm	20/01/2009	Bình Định	53
	Y5504	Võ Thị Phụng	14/01/2005	Bình Định	
	Y5506	Đặng Thị Kiều Mãng	16/03/2008	Bình Định	
6	Y5550	Nguyễn Thị Diễm	20/03/2007	Thái Bình	53
	Y5551	Nguyễn Thị Kim Thu	05/03/2006	Thái Bình	
	Y5553	Trần Thị Thư	10/10/2008	Thái Bình	
7	Y5522	Hoàng Thị Ngọc Anh	15/09/2006	Hải Dương	56
	Y5524	Lê Thị Huyền Trang	08/03/2009	Hải Dương	
	Y5523	Phạm Thị Hải Yến	14/04/2008	Hải Dương	
8	Y5545	Quảng Diệp Hoài	26/04/2009	Sơn La	101
	Y5544	Đèo Thị My	20/04/2009	Sơn La	
	Y5547	Hoàng Thị Châm	08/09/2008	Sơn La	
9	Y5502	Nguyễn Hải Yến	01/10/2009	Bắc Giang	129
	Y5501	Mạc Thị Thu Trang	01/06/2007	Bắc Giang	
	Y5503	Ngọc Thị Thu Hoài	09/11/2009	Bắc Giang	
10	Y5537	Phạm Ngọc Bảo Nhi	12/01/2010	Phú Yên	132
	Y5557	Đoàn Huỳnh Nhật Trúc	25/04/2009	Phú Yên	
	Y5556	Trần Thị Bích Thương	23/03/2011	Phú Yên	

GIẢI VÔ ĐỊCH QUỐC GIA MARATHON VÀ CỰ LY DÀI
"GIẢI BÁO TIỀN PHONG" LẦN THỨ 65 - 2024
TP Tuy Hòa - Phú Yên, ngày 31/03/2024

ĐIỂM TOÀN ĐOÀN

TH	ĐƠN VỊ	VĐV Nam		VĐV Nữ		Tổng điểm
		Tuyển 10km	Trẻ 10km	Tuyển 5km	Trẻ 5km	
1	Quân Đội	7	9	49	23	88
2	Bắc Giang	60	108	40	129	337
3	Phú Yên	94	171	66	132	463

Liên đoàn Điền kinh Việt Nam

DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ THI ĐẤU
GIẢI VÔ ĐỊCH QUỐC GIA MARATHON VÀ CỤ LY DÀI "GIẢI BẢO TIỀN PHONG" LẦN THỨ 65 năm 2024
TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, ngày 31/03/2024

TT	Đơn vị	Hệ tuyển		Hệ Trẻ		Bán Marathon		Marathon		Tổng số VĐV	HLV	Tổng số HLV và VĐV	HLV đại diện	Số ĐT liên hệ
		10km Nam	5km Nữ	10km Nam	5km Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ					
1	Bắc Giang	3	3	4	3			1		14	3	17	Ông Đào Xuân Hùng	0983515419
2	Bình Dương	4						1		5	1	6	Ông Trần Trung Trí	0935792123
3	Bình Định		1	5	5		1			12	1	13	Ông Huỳnh Minh Hiếu	0905602720
4	Bình Phước				1	2	2	1	1	7	2	9	Ông Trần Đoàn Minh Thiện	0978392829
5	Bình Thuận	3			1	1		1		6	2	8	Ông Nguyễn Văn Ngọc	0989676930
6	Cao Bằng				4		1			5	2	7	Ông Lục Văn Liêm	0358143936
7	Cần Thơ			2		1		1	2	6	2	8	Ông Nguyễn Đình Cang	0918624497
8	Đà Nẵng		1	1						2	1	3	Ông Nguyễn Đức Thảo	0905728141
9	Đắk Lắk			5		3	2			10	4	14	Bà Đặng Hoàng Thúy Vy	0905018228
10	Đồng Nai	5		5	1	3	2			16	2	18	Ông Nguyễn Ngọc Quang	0986023081
11	Gia Lai			5	1	1	2	1	1	11	2	13	Ông Nguyễn Trường Sinh	0984609985
12	Hà Nam			2	2				1	5	2	7	Ông Vũ Đình Sơn	0386022999
13	Hà Nội	3	4	4						11	4	15	Ông Nguyễn Công Nam	0981952889
14	Hà Tĩnh			4	3	1				8	2	10	Ông Nguyễn Thuận	0916984455
15	Hải Dương	3		1	3					7	1	8	Ông Lê Văn Chức	0985791860
16	Hải Phòng				1					1	1	2	Ông Trần Trung Phương	0948128218
17	Hậu Giang					1	2			3	1	4	Ông Diệp Thanh Phong	0919030181
18	Khánh Hòa			5	4	1	2		2	14	3	17	Bà Hoàng Thị Huyền Nga	0983535965
19	Lai Châu			4	2					6	1	7	Ông Nguyễn Tiến Tùng	0889323777

TT	Đơn vị	Hệ tuyển		Hệ Trẻ		Bán Marathon		Marathon		Tổng số VĐV	HLV	Tổng số HLV và VĐV	HLV đại diện	Số ĐT liên hệ
		10km Nam	5km Nữ	10km Nam	5km Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ					
20	Lạng Sơn			2	2					4	1	5	Ông Hoàng Minh Tuấn	0947383886
21	Lâm Đồng					1				1	1	2	Ông Hồ Hưng Thái	0979389296
22	Nam Định	1	3							4	1	5	Bà Nguyễn Thanh Xuân	0974552168
23	Ninh Bình			4	3					7	2	9	Ông Lưu Quốc Toàn	0915328748
24	Phú Yên	4	4	4	4	1		1	2	20	2	22	Ông Võ Đăng Khoa	0905397872
25	Phú Thọ			2						2	1	3	Bà Nguyễn Thị Lê Hiền	0943365156
26	Quảng Bình			1				1		2	1	3	Ông Dương Văn Mạnh	0984504932
27	Quảng Ninh			3	2		1			6	2	8	Bà Vũ Thị Hoa	0393588962
28	Quảng Ngãi	4		4		1	2			11	1	12	Ông Trần Văn Nhân	0916167468
29	Quân Đội	4	3	4	3	2		1		17	3	20	Ông Nguyễn Tuấn Viêt	0866108491
30	Sơn La				5				1	6	1	7	Ông Trần Quyết Thắng	0899818168
31	TP Hồ Chí Minh	5								5	1	6	Ông Nguyễn Văn Vinh	0909782593
32	Tây Ninh							4	1	5	1	6	Ông Sầm Quốc Phương	0848957757
33	Thái Bình		4		4					8	1	9	Bà Phạm Thị Hiền	0387977686
34	Thái Nguyên	1		3		2				6	3	9	Ông Hà Văn Vĩnh	0989588292
35	Thanh Hóa	4	3	1	1					9	2	11	Ông Trần Văn Sỹ	0904118396
Tổng cộng:		44	26	75	55	21	17	13	11	262	61	323		